

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **22** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **03** tháng **4** năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 75/TMQT-NSĐH ngày 22/3/2024 của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1148/TTr-STNMT ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị, địa chỉ tại 01 Phan Bội Châu, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà.

1.2. Địa điểm hoạt động: KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị - Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà số: 3200042556-027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị cấp ngày 08/11/2011, thay đổi lần thứ 5 ngày 14/3/2017.

1.4. Mã số thuế: 3200042556-027.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến nông sản và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi, quy mô của Cơ sở: Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà có vị trí thực hiện tại KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Trong đó:

+ Nhà máy được xây dựng trên tổng diện tích 9.577 m², với các khu vực chính sau: Nhà xưởng sản xuất 1 (Sản xuất tiêu, tinh bột sắn, trà các loại...): 722 m²; Nhà xưởng sản xuất 2 (Sản xuất thức ăn chăn nuôi): 1.301 m²; Nhà xưởng sản xuất 3 (Sản xuất chế biến lúa gạo): 913,5 m²; Nhà làm việc 01 tầng: 127 m²; Kho nguyên liệu: 620,7 m²; Nhà kho thành phẩm: 858,7 m²; Sân phơi sản phẩm: 852 m²; Nhà đặt nồi hơi: 29 m²; Bể nước phòng cháy chữa cháy: 54 m²; Sân đường bê tông nội bộ: 1.226,8 m²; Nhà để xe và gara, trạm cân, tường rào, hệ thống điện, mái che, lối đi và phụ trợ khác: 930,3 m²; Cây xanh: 1.915 m²; nhà vệ sinh 27 m².

+ Công suất: Chế biến nông sản: 1.710 tấn/năm; thức ăn chăn nuôi 5.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải

dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày..03.. tháng..4.. năm 2024 đến ngày..03.. tháng..4... năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật./..*th*

Nơi nhận:

- Công ty CP TCT Thương mại Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, Công Thương;
- BQL Khu Kinh tế tỉnh;
- UBND thành phố Đông Hà;
- UBND phường Đông Lương;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th). *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI****Cơ sở: Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **22** /GPMT-UBND ngày **03** tháng **4** năm 2024
* của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên văn phòng, bảo vệ, lái xe, nhà xưởng sản xuất số 1.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên nhà xưởng sản xuất số 2, 3, vận hành lò hơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

Dòng nước thải (Tương ứng với Nguồn thải số 01, 02): Nước thải sinh hoạt xử lý bằng 02 bể tự hoại 3 ngăn tổng thể tích 19 m³ tại khu vực nhà điều hành và nhà xưởng sản xuất. Nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận thông qua 1 điểm thải là hồ ga phía Đông Bắc nhà máy, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN Nam Đông Hà.

2.2. Vị trí xả nước thải

Vị trí xả thải sau hồ ga phía Đông Bắc của Nhà máy, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của KCN Nam Đông Hà, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà. Tọa độ X = 1.857.559; Y = 591.812 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106°15', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Tối đa 3,2 m³/ngày.đêm

- Nguồn số 01: Tối đa 1,6m³/ngày.

- Nguồn số 02: Tối đa 1,6m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.**2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục trong ngày (24 giờ).****2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01, 02: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Công trình thu gom nước thải: Nước thải sinh hoạt của CBCNV từ Nhà vệ sinh nhà điều hành và Nhà vệ sinh tại Nhà xưởng sản xuất số 2 được thu gom bằng các tuyến ống nhựa PVC D= 100mm, dày 3 ly, dài 100m dẫn về 02 hầm tự hoại 3 ngăn.

- Công trình thoát nước thải:

+ Nước thải Nhà vệ sinh khu vực Nhà Điều hành sau khi qua hệ thống xử lý được sử dụng ống dẫn bằng nhựa PVC D= 65mm, dài 20 m thoát ra hố ga tại phía Đông Bắc của nhà máy sau đó thoát ra cống thoát nước chung của KCN Nam Đông Hà.

+ Nước thải Nhà vệ sinh tại Nhà xưởng sản xuất số 2 sau khi qua hệ thống xử lý được sử dụng ống dẫn bằng nhựa PVC D= 65mm, dài 50 m thoát ra hố ga tại phía Đông Bắc của nhà máy sau đó thoát ra cống thoát nước chung của KCN Nam Đông Hà.

- Điểm xả nước thải sau xử lý: hố ga tại phía Đông Bắc của Nhà máy sau đó thoát ra cống thoát nước chung của KCN Nam Đông Hà.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ sinh hoạt của 32 CBCNV. Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tối đa là: $32 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày} = 3,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Đối với nước thải sinh hoạt hiện tại của 32 CBCNV được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh tự hoại 03 ngăn có tổng thể tích khoảng 19 m^3 kích thước $(2.900 \times 2.200 \times 1.500) \text{ mm} = 9,57 \text{ m}^3$; 01 tại Khu vực Nhà văn phòng và 01 tại Khu vực nhà xưởng chế biến thức ăn chăn nuôi.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở có các hạng mục xử lý môi trường đã vận hành từ năm 2011, công trình xử lý môi trường là công trình bể tự hoại nên Cơ sở không có các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Thỏa thuận đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Đông Hà sau khi được xây dựng hoàn thành.

3.3. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

Cơ sở: Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **22** /GPMT-UBND ngày **03** tháng **4** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ công đoạn xử lý khí thải lò hơi đốt than, củi trâu ép.
- Nguồn số 02: Bụi từ xưởng sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- Nguồn số 03: Bụi từ công đoạn xay xát, lau bóng lúa gạo.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ quá trình sấy, tách vỏ tiêu; trà gạo lức, trà gừng, trà vàng.

2. Dòng khí thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Nguồn tiếp nhận khí thải

Nguồn tiếp nhận là môi trường không khí trong và xung quanh khuôn viên nhà máy.

2.2. Vị trí xả khí thải

- Dòng xả khí số 01 (Tương ứng với nguồn số 01): Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi đốt than, tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1.857.512, Y= 591.692.

- Dòng khí thải số 02 (Tương ứng với nguồn số 02): Ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi cho công đoạn thu hồi bụi cho xưởng sản xuất thức ăn chăn nuôi, tọa độ vị trí xả thải: X= 1.857.513, Y=591.716.

(Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Dòng khí thải số 03 (Tương ứng với nguồn số 03): Phạm vi Nhà xưởng sản xuất số 3 có dây chuyền xay xát, đánh bóng lúa gạo, nguồn phân tán trong xưởng sản xuất.

- Dòng khí thải số 04 (Tương ứng với nguồn số 04): Phạm vi Nhà xưởng sản xuất số 1 có dây chuyền sản xuất tiêu; trà gạo, trà gừng, trà vàng, nguồn phân tán trong xưởng sản xuất.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: 270 m³/h.
- Nguồn số 02, 03, 04: Bụi phát thải phân tán.

2.3.1. Phương thức xả thải:

2.3.2. Chế độ xả thải: xả liên tục khi hoạt động.

2.3.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải, cụ thể như sau:

- Đối với dòng thải số 01, 02: Chất lượng khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT- QCKTQG về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số $K_p=1$; $K_v=1$). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Dòng thải	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Số 01, 02	06 tháng/lần	Không
2	CO	mg/Nm ³	1.000	Số 01		
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	Số 01		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	Số 01		

- Đối với dòng thải số 03, 04: Bụi từ dây chuyền xay xát, đánh bóng lúa gạo; từ quá trình sấy, tách vỏ tiêu; trà gạo lức, trà gừng, trà vàng sau khi xử lý nằm trong giới hạn của QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi toàn phần	mg/m ³	4	06 tháng/lần (Chỉ giám sát khi dây chuyền hoạt động)
2	Bụi hô hấp	mg/m ³	2	

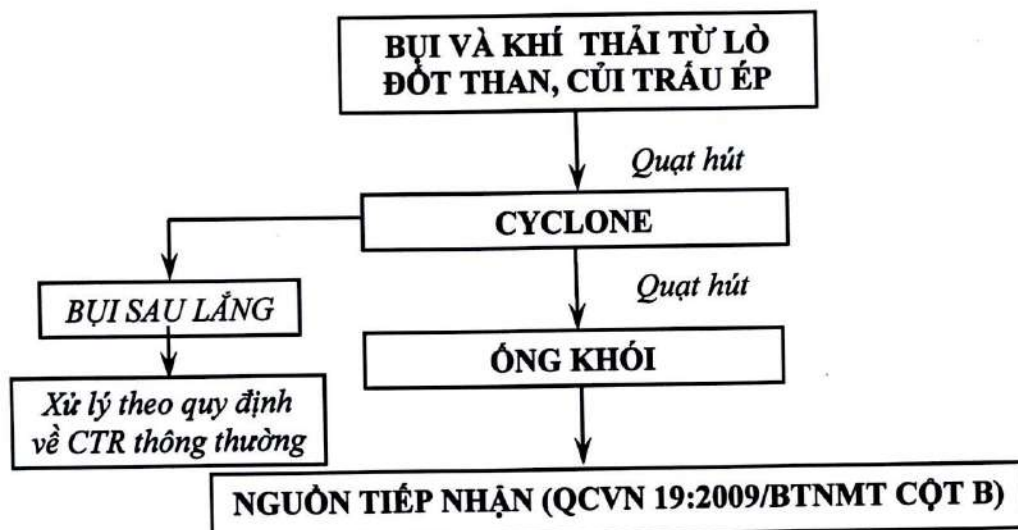
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Biện pháp thu gom, xử lý khí thải từ lò hơi đốt than đá, củi trấu ép

Nhà máy sử dụng 01 lò hơi cấp nhiệt với nguyên liệu đốt là than đá, củi trấu ép. Định mức sử dụng nguyên liệu đốt than là 30 tấn/năm, đốt củi trấu ép là 100 tấn/năm. Quá trình đốt than đá làm phát sinh khí thải chứa tro bụi và các khí CO, CO₂, SO₂, NO_x... Chủ Cơ sở đã xây dựng hệ thống thu gom và xử lý khí thải từ công đoạn này đạt yêu cầu theo QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $K_p=0,9$, $K_v=1,0$) trước khi xả thải ra ngoài qua ống khói. Cụ thể như sau:

* Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý khí thải lò hơi của nhà máy:



Trong quá trình đốt lò hơi, khí thải và bụi than từ đáy lò được quạt đẩy từ đáy lò lên đỉnh lò. Nhờ cấu tạo đặc biệt của lò hơi, các hạt bụi có trong khí thải được các chụp nón giữ lại, tại đây được gắn kết với cyclon. Khí thải và bụi trong quá trình đốt than đá, củi trấu ép được thu gom và vận chuyển vào hệ thống tách bụi cyclon. Tại đây, dưới lực đẩy li tâm của quạt và quá trình lắng bụi trọng lực các hạt bụi được giữ lại và thu hồi ở đáy cyclon. Khí thải sau khi được tách lắng bụi tại cyclon đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số $K_p=1$; $K_v=1$) được thải ra môi trường qua hệ thống ống khói. Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ lò đốt được thiết kế, lắp đặt đồng bộ với Hệ thống lò hơi do Công ty Cổ phần cơ nhiệt hơi nước cung cấp.

* Kích thước các công trình xử lý khí thải:

- Cyclon: 01 thiết bị
- Quạt hút: 01 thiết bị
- Ống khói: Cao 15.000 mm.

* Hiệu quả xử lý khí ô nhiễm của các công trình xử lý khí thải:

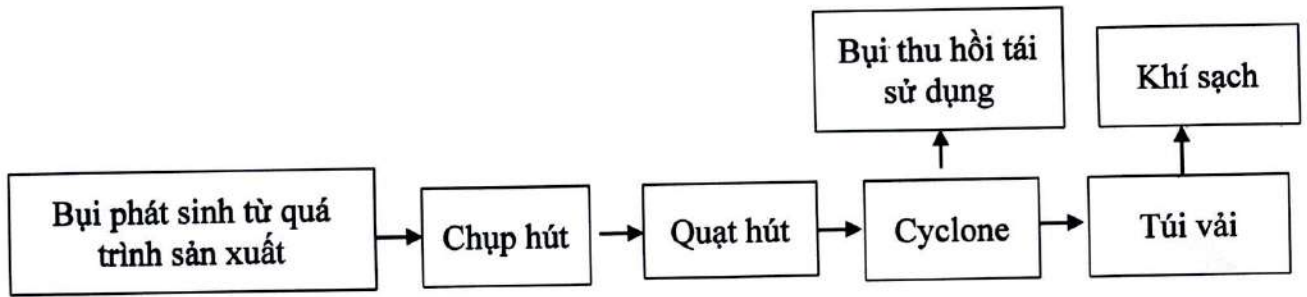
- Hiệu suất xử lý bụi $\geq 95\%$, đảm bảo xử lý nồng độ bụi đầu ra dưới 200 mg/m^3 .

- Hiệu suất xử lý các khí ô nhiễm độc hại từ 80% ÷ 96% (hiệu suất xử lý trung bình 90%).

1.2. Công trình biện pháp thu gom, xử lý bụi phát sinh từ quá trình sản xuất

* Sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý bụi từ quá trình sản xuất:

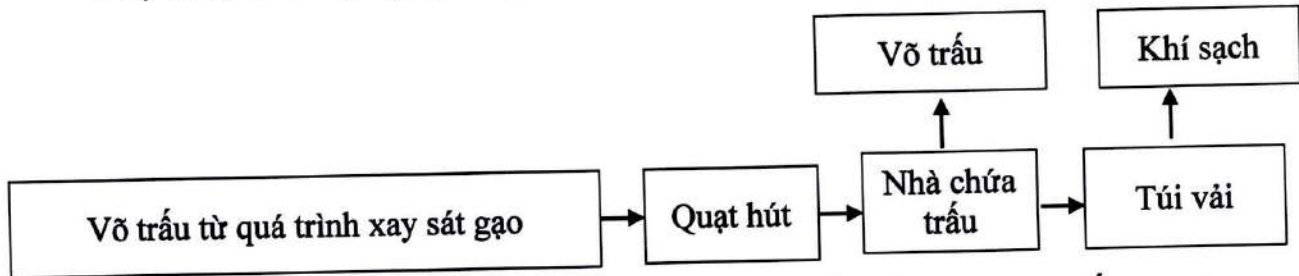
- Dây chuyền công nghệ xử lý bụi từ quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi, dây chuyền đánh bóng, làm sạch hạt gạo:



+ Bụi sinh ra từ quá trình nghiền được quạt hút hút vào buồng lọc của Cyclon và được rơi trở lại phễu gom bụi, dựa trên nguyên lý lực ly tâm và lắng trọng lực để tách các hạt bụi có kích thước lớn ra khỏi dòng khí và lắng xuống đáy cyclon, phần bụi còn lại được lọc lại qua túi vải. Không khí được lọc sạch bụi thải ra ngoài môi trường.

+ Hệ thống cyclon hiệu quả lọc bụi đạt hiệu suất lọc 98% đối với bụi thô có đường kính hạt bụi $\geq 0.02\text{mm}$.

- Dây chuyền công nghệ xử lý bụi từ khu chứa trấu:



- Đối với dây chuyền chế biến lúa gạo: Dây chuyền lắp đặt sản xuất và xử lý bụi bằng clone và túi vải vừa thu hồi cám, vỡ trấu.

+ Đầu tư máy xay, xát, lau bóng, sàng đảo khép kín có đường dẫn sản phẩm và phế phẩm/phụ phẩm (trấu, tấm, cám) tách riêng, kín;

+ Phế phẩm/phụ phẩm theo đường dẫn riêng được thu vào bao, đóng kín chuyển về nhà kho chứ không để chất đống trên nền sàn.

- Đối với các hệ thống máy nghiền, xay nông sản được bố trí thiết bị lọc bụi bằng hệ thống thu hồi bụi bằng cyclone đồng bộ với máy móc nhằm giảm thiểu lượng bụi phát sinh, đồng thời thu hồi lại nguyên liệu và giảm thất thoát bột nông sản.

- Thông gió tự nhiên: Nhà xưởng được bố trí cao, thoáng để tăng cường trao đổi khí; mái nhà được bố trí hệ thống thông gió.

- Thông gió cưỡng bức: Bố trí các quạt hút gió công nghiệp trong khu vực xưởng sản xuất và kho chứa để trao đổi không khí bên trong và bên ngoài xưởng.

- Các dây chuyền không hoạt động đồng thời làm phát sinh nhiều bụi cùng lúc.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà xưởng.
- Trấu, cám, tro trấu được công nhân bốc xúc thủ công vào bao tải và cột chặt miệng bao để hạn chế phát tán bụi do gió.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: mũ, khẩu trang, quần áo, giày tại những công đoạn cần thiết để hạn chế bụi thấp nhất. Và yêu cầu công nhân thực hiện nghiêm túc các trang bị bảo hộ lao động trước khi và khu vực sản xuất.

- Bố trí lao động vệ sinh thường xuyên thu dọn phụ phẩm rơi vãi ở các khu vực bên ngoài nhà xưởng: sân, đường.

- Thực hiện định kỳ các hoạt động vệ sinh khu vực sản xuất, máy móc thiết bị, trần, nền theo từng khu vực sản xuất định kỳ 3 tháng/1 lần. Công tác vệ sinh được nhà máy sắp xếp thời gian phù hợp (thực hiện luân phiên cho từng khu vực) với tần suất và thực tế hoạt động nhằm đảm bảo về mỹ quan và hạn chế phát tán ra môi trường xung quanh. Nền các khu vực sản xuất được nhà máy bố trí vệ sinh hằng ngày sau mỗi ca làm.

1.3. Công trình biện pháp thu gom, xử lý bụi phát sinh do vận chuyển, bốc xúc

Để khống chế ô nhiễm bụi dọc theo đường vận chuyển cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- Tất cả các xe vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng tại cơ sở phải có giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường theo Thông tư số 22/2009/TT-BGTVT ngày 06/10/2009 của Bộ Giao thông vận tải.

- Đường giao thông nội bộ, đường kế cận cơ sở liên quan đến quá trình chở sản phẩm đi tiêu thụ phải được cải tạo, nâng cấp, đồng thời trong quá trình vận chuyển luôn tưới nước thường xuyên đặc biệt là vào những ngày nắng.

- Các xe tải khi chờ nguyên, nhiên liệu phục vụ cho Nhà máy phải có bạt che kín để tránh phát sinh bụi dọc đường vận chuyển.

- Định kỳ vệ sinh nhà xưởng bằng phương pháp khô nhằm hạn chế bụi và vệ sinh chung của nhà máy.

- Các xưởng sản xuất đã được xây dựng cao thoáng, có hệ thống quạt thông gió, quạt hút tại nhằm tạo không gian thoáng mát và giảm nhiệt.

- Trồng vành đai cây xanh xung quanh để hạn chế phát tán bụi ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên vệ sinh sân, đường nội bộ nhằm hạn chế bụi do phương tiện giao thông di chuyển cuốn vào không khí.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện giao thông của cơ sở nhằm đảm bảo phương tiện luôn hoạt động trong tình trạng tốt.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **22** /GPMT-UBND ngày **03** tháng **4** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy nghiền, xay nguyên liệu tại Nhà xưởng số 01.
- Nguồn số 02: Máy nghiền, xay nguyên liệu tại Nhà xưởng số 02.
- Nguồn số 03: Máy xay, đánh bóng gạo tại Nhà xưởng số 03.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X=1.857.533, Y=591.754.
 - Nguồn số 02: Tọa độ: X=1.857.511, Y=591.703.
 - Nguồn số 03: Tọa độ: X= 1.857.551, Y= 591.694.
- (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn và độ rung:

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn	Tần suất quan trắc định kỳ	Vị trí quan trắc
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	06 tháng/lần	03 Xưởng sản xuất nhà máy
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	06 tháng/lần	

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp như sau:

- Quá trình lắp đặt thiết bị máy móc đã được cân chỉnh và đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Nền móng được xử lý tốt và có độ vững chắc đối với các loại thiết bị có công suất lớn và hoạt động liên tục.
- Thường xuyên bảo trì, sửa chữa máy móc và các phương tiện giao thông vận tải.

- Nhà máy bố trí nơi để xe nhân viên và khách gần cổng chính để hạn chế chiều dài đoạn đường xe chạy trong khuôn viên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Nhà máy có các hạng mục xử lý môi trường đã vận hành, nâng cấp từ năm 2011-2022, có đánh giá qua báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm, Cơ sở không có các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, hệ số $K_p=1$; $K_v=1$) và QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

3.2. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Cơ sở: Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **02** /GPMT-UBND ngày **03** tháng **4** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Chủng loại: Bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu, các thiết bị linh kiện điện tử, mực in thải bỏ...

- Khối lượng: CTNH ước tính phát sinh khoảng 38 kg/năm.

TT	Tên CTNH	Khối lượng Kg/tháng	Trạng thái	Mã CTNH
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm TPNH	2	Rắn	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang	0,5	Rắn	16 01 06
3	Các thiết bị linh kiện điện tử thải	0,2	Rắn	16 01 13
4	Mực in thải bỏ, hộp mực in thải	0,5	Rắn	08 02 01
Tổng		3,2		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- Chủng loại: các loại nguyên liệu hỏng: gừng, vỏ tiêu, tro xỉ từ nhà đốt, trấu, tấm, cám, palet thải, giấy vụn, bìa carton...

- Khối lượng: ước tính phát sinh khoảng 556.360 kg/năm

STT	Nhóm CTCNTT	Tải lượng (kg/năm)
1	Palet thải, giấy vụn, bìa carton	1.560
2	Vỏ tiêu, gừng hư hỏng, tạp chất không tái sử dụng được	1.710
3	Tro, xỉ từ nhà đốt	3.000
4	Bao bì hỏng	90
5	Trấu	500.000
6	Tấm cám	50.000
Tổng cộng		556.360

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: Chủ yếu là các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống, thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau...

- Khối lượng: 16 kg/ngày.

- Các phương tiện giao thông phải có giấy phép đăng kiểm và tránh hoạt động cùng một thời điểm.

- Trang bị nút tai chống ồn cho cán bộ công nhân viên làm việc ở khu vực có độ ồn cao trong quá trình làm việc.

- Hạn chế sử dụng nhiều thiết bị gây ra tiếng ồn cùng lúc.

- Có kế hoạch vận chuyển hợp lý để hạn chế tiếng ồn từ phương tiện chuyên chở hàng hóa ra vào nhà máy. Tắt máy trong khi bốc xếp hàng hóa.

- Chăm sóc hệ thống cây xanh xung quanh khuôn viên Nhà máy hiện có, bố trí thêm diện tích cây xanh xung quanh hàng rào của Công ty đảm bảo diện tích cây xanh tối thiểu là 1.915m^2 , chiếm 20% khuôn viên Nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Cơ sở đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

gia đình có nhu cầu mua để làm phân bón, phần khác vận chuyển đến xưởng sản xuất phân bón của chủ đầu tư.

+ Palet gỗ thải, giấy vụn, bì carton: Palet gỗ tận dụng làm chất đốt, giấy vụn và bì carton bán phế liệu.

+ Đối với CTR sản xuất như vỏ tiêu, gừng hư hỏng và các nguyên liệu hư hỏng khác, bao bì đựng nguyên liệu hỏng (bao bì được tái sử dụng nhiều lần, đến khi hỏng mới thải ra ngoài), tập kết trong 02 thùng rác loại 120l, sau đó Công ty hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường và công trình đô thị Đông Hà thu gom, vận chuyển đến khu vực xử lý đảm bảo vệ sinh.

*** Chất thải rắn sinh hoạt**

- Nhà máy đã bố trí 01 thùng rác loại 120L ngay tại khu văn phòng Nhà máy làm việc và 02 thùng rác ở các khu xưởng sản xuất.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bì carton... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với các loại chất thải không có khả năng tái sử dụng được thu gom vào thùng rác và hợp đồng với công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Đông Hà thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố cháy nổ có thể xảy ra đối với Nhà máy một số biện pháp sau được thực hiện:

- Khoảng cách giữa Nhà xưởng đến các công trình lân cận đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt;

- Nhà xưởng có 03 lối thoát nạn thoát ra ngoài trực tiếp;

- Hệ thống điện độc lập, thiết kế theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt;

- Các bình chữa cháy xách tay: đã trang bị các bình bột chữa cháy loại MFZL4, bình khí chữa cháy loại MT3 được bố trí cạnh các cửa ra vào, các khu vực dễ thấy, dễ lấy, có kẹp chì kèm theo và đang hoạt động bình thường;

- Các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn bố trí đủ số lượng, vị trí theo hồ sơ thiết kế;

- Hệ thống báo cháy tự động: có 02 hệ thống báo cháy tự động riêng biệt (01 hệ thống lắp đặt cho nhà máy chế biến nông sản, 01 hệ thống lắp đặt tại khu vực xưởng chế biến lúa gạo mới). Các hệ thống gồm 01 tủ trung tâm đặt tại khu làm việc, hệ thống gồm các đầu báo cháy khói, các đầu báo cháy nhiệt, cụm chuông, nút ấn báo cháy ở các khu vực;

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

CTNH trong Nhà máy được thu gom đúng quy định về thủ tục quản lý và xử lý CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định hiện hành. Nhà máy áp dụng các biện pháp thu gom như sau:

- Tại cơ sở có bố trí kho chứa CTNH 2m² ở phía Tây nhà máy, an toàn, có mái che, có tường bao quanh, có phân loại và chứa trong 3 thùng chứa 200L, có nắp đậy, dán nhãn tên từng loại CTNH trong kho, dán biển cảnh báo ngoài kho.

- Đối với các loại chất thải nguy hại không thể tái sử dụng: bóng đèn, mực in, giẻ lau do sửa chữa và lau chùi máy bị nhiễm dầu nhớt cơ sở thu gom chứa các thùng nhựa có nắp đậy, khi đủ khối lượng 1 đợt xe vận chuyển hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý CTNH để vận chuyển và đưa đi xử lý với tần suất 1 lần/năm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

* *Chất thải công nghiệp thông thường*: Các chất thải rắn công nghiệp thông thường thải ra được tận dụng trở lại, nên hạn chế chất thải phát sinh, cụ thể như sau:

- Trấu: Trấu phát sinh trong quá trình xay xát được tập kết hết vào bồn chứa, nén ép giảm thể tích, sau đó chuyển đến Xưởng sản xuất phân bón của Chủ đầu tư tại Nhà máy Viên năng lượng Cam Lộ ở CCN Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, cách nhà máy khoảng 9km, tạo ra đệm lót sinh học cung cấp cho bà con nuôi gà, vịt, hoặc ủ làm phân compost bón cho cây lúa, tạo thành chuỗi sản xuất khép kín. Một phần khác sử dụng để làm nhiên liệu đốt.

Nhà máy thực thu gom đều đặn khi bồn chứa đầy, không để quá tải bồn chứa; Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn sau mỗi ca làm, không để trấu rơi vãi tại khu vực chứa trấu; Trong trường hợp bồn đầy mà chưa vận chuyển được đến Xưởng sản xuất phân bón thì lưu chứa trong nhà kho của Nhà máy, có mái che, vách tường nhằm giảm thiểu bụi phát sinh và giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn.

- Tấm: Tấm thu hồi từ công đoạn chế biến gạo đưa đi xay mịn để tạo sản phẩm bột gạo hữu cơ hoặc sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Cám: Cám thô được thu hồi để làm thức ăn chăn nuôi hoặc ép lấy tinh dầu cám gạo, Cám tinh được đóng gói làm thực phẩm chức năng.

- CTR là tro xi từ lò đốt: Nguồn thải này không có thành phần chất thải nguy hại, không nằm trong danh mục chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công ty bán cho các hộ

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà: Hệ thống gồm 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện, 01 máy bơm chữa cháy động cơ Diesel, 02 máy bơm bù, các họng nước vách tường, trụ cấp nước ngoài nhà, lăng vòi chữa cháy.

- Nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy: đã niêm yết các nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy.

- Phương tiện cứu nạn, cứu hộ (CNCH): Đã được trang bị cáng cứu thương, búa tạ, kìm cộng lực, rìu, xà beng, đèn pin chiếu sáng, trang phục bảo hộ...

- Lực lượng PCCC cơ sở đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ CNCH.

- Lực lượng PCCC cơ sở biết cách sử dụng phương tiện chữa cháy, CNCH đã được trang bị tại cơ sở.

- Hệ thống PCCC của Nhà máy được thiết kế chi tiết theo quy định và trình cơ quan chuyên môn là phòng Cảnh sát PCCC Tỉnh phê duyệt trước khi thi công;

- Thiết kế hệ thống dẫn điện theo đúng quy định an toàn, thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện. Từ đó, giảm thiểu được sự cố cháy do chập điện, phóng điện xảy ra;

- Đưa ra các nội quy cho cán bộ công nhân viên không được hút thuốc trong quá trình làm việc;

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn và thực hành về công tác PCCC cho cán bộ công nhân viên dưới sự hướng dẫn của cảnh sát PCCC;

- Các số điện thoại của y tế, PCCC có sẵn để kịp thời ứng cứu.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, Ban lãnh đạo công ty cần phải thông báo kịp thời cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Nhà máy và các cơ sở sản xuất lân cận biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy kịp thời hạn chế đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

2. Đối với sự cố cháy nổ bình hơi

Áp dụng biện pháp an toàn khi sử dụng lò hơi, cụ thể:

- Thiết bị phải được chế tạo và lắp đặt đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm định kỹ thuật định kỳ, đăng ký sử dụng theo quy định.

- Nhà máy giao trách nhiệm quản lý thiết bị cho cán bộ quản lý thiết bị bằng văn bản. Việc vận hành thiết bị chỉ được giao cho cán bộ kỹ thuật, có đủ sức khỏe, đã được huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về kiến thức chuyên môn, quy trình kỹ thuật an toàn vận hành thiết bị chịu áp lực và phải được người sử dụng lao động giao trách nhiệm bằng văn bản.

- Bảo quản thực hiện các chế độ bảo dưỡng, vận hành, tu sửa và khám nghiệm theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Khi phát hiện thấy các bộ phận chịu áp lực chính của lò hơi có vết nứt, phồng, gỉ mòn đáng kể, xì hơi, nước ở các mối nối, mối hàn, các miếng đệm bị xé...

+ Khi áp kế hư hỏng và không có khả năng xác định áp suất trong lò hơi bằng một dụng cụ nào khác. Những trường hợp khác theo quy định trong quy trình vận hành của đơn vị.

3. Đối với sự cố do tai nạn lao động, an toàn giao thông

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do tai nạn lao động có thể xảy ra đối với cán bộ, công nhân làm việc trong Nhà máy một số biện pháp sau đã được thực hiện:

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân sau khi được tuyển dụng để có những phương án kịp thời ứng cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra;

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên như nút tai chống ồn, găng tay, mũ, giày...vv, đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc;

- Đối với công nhân kỹ thuật thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc;

- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 1 lần/năm theo Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 Quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

- Khi xảy ra tai nạn lao động, cán bộ công nhân viên đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm được kiểm định an toàn định kỳ; thường xuyên nhắc nhở về an toàn giao thông.

4. Đối với sự cố do mưa bão

Để giảm nhẹ các thiệt hại do bão gây ra, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Trước khi có bão xảy ra, Công ty phải thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố khác có thể xảy ra đồng thời như cháy nổ, an toàn hoá chất, nhiên liệu...

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với BQL Khu Kinh tế tỉnh và các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau khi sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố mưa bão xảy ra, Ban lãnh đạo Công ty cần sơ tán công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, sử dụng các trang thiết bị và nhân lực tại chỗ để không chế các sự cố có thể xảy ra đồng thời như cháy nổ. Thông báo cho Ban chỉ huy

- Nhà lò hơi được thông thoáng và thoát nước tốt, có đủ không gian cho công nhân làm việc, kiểm tra vận hành và vệ sinh thiết bị.

- Trước khi vận hành lò hơi, công nhân phải kiểm tra đầy đủ các cơ cấu an toàn, hệ thống điện, đồng hồ chỉ áp suất và tình trạng các van khóa lắp đặt trên lò hơi.

- Hàng ngày phải lau chùi mặt kính đồng hồ áp lực, mặt kính ống thủy để dễ dàng theo dõi mực nước và áp suất của lò. Đồng hồ áp lực, ống thủy phải có vạch quy định mức nước, áp suất hơi cho phép.

- Người trực tiếp vận hành lò hơi phải luôn có mặt khi thiết bị hoạt động, thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của lò hơi, các van xả, sự hoạt động của các dụng cụ kiểm tra đo lường: áp kế, van an toàn. Vận hành lò hơi theo đúng quy trình vận hành của đơn vị. Ghi chép ngày kiểm tra vào sổ nhật ký vận hành lò hơi.

- Công nhân vận hành lò hơi không được phép làm việc riêng, hoặc làm những công việc không có liên quan đến chức trách của mình hoặc tự ý bỏ đi nơi khác trong lúc điều khiển lò hơi. Trong lúc làm việc, phải thường xuyên kiểm tra mức nước, áp lực hơi trong ống. Nếu thấy không an toàn phải báo cho cán bộ kỹ thuật đơn vị biết để xử lý.

- Dụng cụ làm xong phải để gọn gàng vào nơi quy định. Khu vực xung quanh lò hơi phải gọn gàng không gây trở ngại cho công nhân vận hành trong quá trình thao tác.

- Vệ sinh sửa chữa lò hơi phải ngừng chờ lò hơi nguội hẳn, sau đó mở hết cửa thông hơi mới cho người vào làm việc.

- Những vật liệu dễ cháy nổ (xăng dầu) phải để xa lò hơi ít nhất 10m. trong quá trình làm việc không được để cạn nước. Cấm bơm nước vào lò hơi khi đang đốt.

- Hết ca làm việc phải ghi nhật ký, bàn giao tình trạng an toàn của lò hơi cho ca sau.

- Nghiêm cấm: Hàn, sửa chữa lò hơi và các bộ phận chịu áp lực của thiết bị khi còn áp suất; cho lò hơi vào hoạt động khi van an toàn chưa được cân chỉnh và niêm chì đúng quy định; áp kế hoạt động không chính xác, mặt kính bị vỡ, mất kim; sử dụng lò hơi vượt quá thông số kỹ thuật do cơ quan kiểm định kỹ thuật an toàn cho phép đối với thiết bị.

- Phải lập tức đình chỉ sử dụng lò hơi đốt than trong các trường hợp sau:

+ Khi áp suất trong lò hơi tăng quá mức cho phép mặc dù các yêu cầu khác quy định trong quy trình vận hành thiết bị đều bảo đảm.

+ Khi các cơ cấu an toàn không hoàn hảo.

phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn cứu hộ thành phố, tỉnh, các ban ngành liên quan để kịp thời ứng cứu, xử lý sự cố xảy ra.

5. Đối với sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống xử lý khí thải đã được xây dựng đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo độ an toàn và tuổi thọ.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và định kỳ bảo dưỡng để kịp thời khắc phục, đảm bảo khí thải đạt chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng với các thiết bị dễ hư hỏng như quạt hút, chụp hút, lọc bụi tay áo...

- Khi có sự cố xảy ra, công nhân báo ngay cho cấp trên để có những hướng xử lý phù hợp.

- Nếu sự cố vượt ngoài khả năng xử lý, Nhà máy sẽ ngưng hoạt động và báo cho đơn vị cung cấp đến sửa chữa và bảo hành.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thực hiện Chương trình quan trắc nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung theo Phụ lục 1, 2, 3.

2. Quan trắc chất thải rắn

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của Nhà máy.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **22** /GPMT-UBND ngày **03** tháng **4** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Chủ Cơ sở đã thực hiện hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất, công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy Chế biến nông sản Đông Hà.

2. Chủ cơ sở thực hiện thỏa thuận đầu nối nước thải với BQL Khu Kinh tế tỉnh để đầu nối với Hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Quán Ngang.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

3. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được đề xuất.

4. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các nguồn khí thải không phải kiểm soát, cụ thể:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng (nếu có) do sử dụng nhiên liệu là dầu DO, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Tuy nhiên, phải đảm bảo chỉ sử dụng dầu DO đạt tiêu chuẩn theo quy định về chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp.

- Khí thải từ các quạt thông gió, các máy điều hòa tại nhà văn phòng, nhà điều hành do có cùng tính chất, chất lượng không khí tại các khu vực lắp đặt. Do vậy, phải đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường gửi báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.